

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	04-05
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	06-07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	08-33

5
01
SỐ
T
A
/ TL

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		100,115,912,035	85,995,836,107
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	6,301,236,034	4,893,673,795
1. Tiền	111		6,301,236,034	4,893,673,795
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	362,000,000	362,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		362,000,000	362,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		75,212,428,323	56,269,696,506
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	38,579,092,506	12,196,238,026
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	34,633,335,817	33,573,458,480
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	2,000,000,000	10,500,000,000
IV. Hàng tồn kho	140	10	14,148,455,407	21,356,285,000
1. Hàng tồn kho	141		14,148,455,407	21,356,285,000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,091,792,271	3,114,180,806
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	2,631,991,336	2,488,082,836
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1,459,800,935	626,097,970
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		115,316,881,935	98,663,548,175
II. Tài sản cố định	220		111,609,312,378	96,055,015,708
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	111,609,312,378	96,055,015,708
- Nguyên giá	222		142,695,681,967	121,788,729,132
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31,086,369,589)	(25,733,713,424)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	11	1,642,280,501	360,636,240
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1,642,280,501	360,636,240
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2,065,289,056	2,247,896,227
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1,848,794,727	2,131,740,546
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	28.a	134,894,930	27,138,155
3. Lợi thế thương mại	269		81,599,399	89,017,526
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		215,432,793,970	184,659,384,282

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**


Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020


MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		82,594,317,864	62,267,950,529
I. Nợ ngắn hạn	310		77,631,865,364	54,670,701,339
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	26,077,381,571	17,057,212,246
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	5,598,459,050	734,795,340
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	6,786,757,583	3,365,980,057
4. Phải trả người lao động	314		1,764,836,574	962,100,158
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1,166,112,141	1,333,902,017
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	615,041,915	516,486,427
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	35,057,185,230	30,700,225,094
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		566,091,300	-
II. Nợ dài hạn	330		4,962,452,500	7,597,249,190
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	4,962,452,500	7,597,249,190
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		132,838,476,106	122,391,433,753
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	132,838,476,106	122,391,433,753
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80,000,000,000	80,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80,000,000,000	80,000,000,000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1,698,273,899	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		41,526,627,733	36,603,650,777
- LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước	421a		34,339,285,578	24,968,900,453
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7,187,342,155	11,634,750,324
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		9,613,574,474	5,787,782,976
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		215,432,793,970	184,659,384,282


 Lại Thị Thu Hà
 Người lập


 Nguyễn Xuân Trường
 Kế toán trưởng


 Lê Đức Thuận
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Từ 01/01/2020 đến		Từ 01/01/2019 đến	
			Năm 2020	Năm 2019	30/06/2020	30/06/2019		
			VND	VND	VND	VND	VND	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	99,514,625,899	62,578,283,709	124,199,722,852	90,275,731,914		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	457,268,409	84,410,813	913,225,124	128,388,566		
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		99,057,357,490	62,493,872,896	123,286,497,728	90,147,343,348		
4. Giá vốn hàng bán	11	22	79,990,192,207	48,412,150,994	96,280,676,355	69,696,201,755		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		19,067,165,283	14,081,721,902	27,005,821,373	20,451,141,593		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	621,096,498	526,626	649,571,160	684,418		
7. Chi phí tài chính	22	24	951,387,129	574,354,313	1,763,171,617	1,179,536,108		
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		940,755,820	573,126,916	1,752,540,308	1,091,063,520		
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	-	-		
9. Chi phí bán hàng	25	25	4,791,584,371	1,868,134,569	7,779,185,385	4,866,957,076		
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	5,075,306,324	3,111,655,440	8,801,978,224	4,677,699,014		
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		8,869,983,958	8,528,104,206	9,311,057,307	9,727,633,813		
12. Thu nhập khác	31		359	1	359	272,008		
13. Chi phí khác	32		85,500,000	10,140,636	199,500,000	63,869,900		
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(85,499,641)	(10,140,635)	(199,499,641)	(63,597,892)		

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020

MÃ SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II	Quý II	Từ 01/01/2020 đến	Từ 01/01/2019 đến
			Năm 2020	Năm 2019	30/06/2020	30/06/2019
			VND	VND	VND	VND
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		8,784,484,317	8,517,963,571	9,111,557,666	9,664,035,921
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	1,789,245,219	1,783,479,761	1,968,592,860	2,106,738,050
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	28.b	(17,365,617)	(11,156,320)	(107,756,775)	86,975,358
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		7,012,604,715	6,745,640,130	7,250,721,581	7,470,322,513
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		6,952,987,878	6,779,126,283	7,187,342,155	7,596,028,587
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		59,616,837	(33,486,153)	63,379,426	(125,706,074)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	-	-	30	934



(Handwritten signature)

Lại Thị Thu Hà
 Người lập

Nguyễn Xuân Trường
 Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT***Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020*
*(Theo phương pháp gián tiếp)***MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế đến quý II	Lũy kế đến quý II
			Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9,111,557,666	9,664,035,921
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		5,352,656,165	4,155,575,405
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(649,571,160)	(684,418)
- Chi phí lãi vay	06		1,752,540,308	1,091,063,520
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		15,567,182,979	14,909,990,428
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(22,560,844,798)	(72,751,942,764)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7,207,829,593	17,872,775,700
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		17,080,398,828	33,067,960,640
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		139,037,319	649,632,053
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1,752,540,308)	(1,179,536,108)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1,048,735,686)	(745,543,243)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2,264,365,199)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12,367,962,728	(8,176,663,294)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(21,832,135,095)	(4,234,631,818)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(362,000,000)
3. Tiền thu hồi cho vay, tất toán các khoản tiền gửi	24		8,500,000,000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		649,571,160	684,418
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12,682,563,935)	(4,595,947,400)


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT***Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020*
*(Theo phương pháp gián tiếp)***MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế đến quý II	Lũy kế đến quý II
			Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		36,823,492,683	33,556,913,061
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(35,101,329,237)	(28,691,037,357)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>1,722,163,446</i>	<i>4,865,875,704</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		1,407,562,239	(7,906,734,990)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4,893,673,795	12,800,408,785
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	<u>6,301,236,034</u>	<u>4,893,673,795</u>


 Lại Thị Thu Hà
 Người lập


 Nguyễn Xuân Trường
 Kế toán trưởng


 Lê Đức Thuận
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất Bảo Ngọc tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất Bảo Ngọc Akito được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105950129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 19 tháng 12 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 80.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 80.000.000.000 đồng; tương đương 8.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất, kinh doanh các loại bánh.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất các loại bánh từ bột, sản xuất đường, cacao, sô cô la và mút kẹo;
- Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự, thức ăn chế biến sẵn;
- Sản xuất rượu vang, sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Bán buôn gạo, bán buôn thực phẩm, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Bán lẻ khác trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp, bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

Cấu trúc Tập đoàn

Tổng số công ty con: 3

- Số lượng công ty con được hợp nhất trực tiếp: 2
- Số lượng công ty con được hợp nhất gián tiếp: 1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2020 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH Chế biến Nông Sản Thực phẩm Hồng Hà	Hà Nội	90.00%	90.00%	Sản xuất bánh kẹo
Công ty CP Liên doanh Sản xuất Bảo Ngọc Thái Lan	TP.Hồ Chí Minh	92.88%	94.56%	Sản xuất bánh kẹo
Công ty CP Sản xuất Xuất nhập khẩu Thành Nam (*)	Bình Phước	53.53%	53.53%	Sản xuất và xuất khẩu hạt điều

(*) Ngày 01/04/2020, Công ty Cổ phần Liên doanh Sản xuất Bảo Ngọc Thái Lan đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Thành Nam với số tiền là 5.100.000.000 đồng, tỷ lệ nắm giữ trực tiếp là 57,63%, tỷ lệ nắm giữ gián tiếp của Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc tại Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Thành Nam là 53,53%.

2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 44 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 03 - 15 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Tài sản cố định khác | 05 - 10 năm |

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	5,320,700,548	2,874,407,375
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	980,535,486	2,019,266,420
	6,301,236,034	4,893,673,795

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	362,000,000	362,000,000	362,000,000	362,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn	362,000,000	362,000,000	362,000,000	362,000,000
	362,000,000	362,000,000	362,000,000	362,000,000

Tại 30/06/2020, khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng giá trị 362.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội với lãi suất 7,2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	1,514,833,566	2,455,790,939
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	3,421,958,110	2,264,155,533
Công ty Cổ phần Đầu tư Homeconstruct	-	1,504,136,400
Nhà phân phối Bắc Ninh - Thương Dự	1,584,360,695	8,041,335
Chi nhánh Hải Phòng - Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	1,191,726,140	288,770,580
Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam	3,064,113,530	-
BELTAMAZHILIYA Co.,Ltd	3,687,701,219	-
MZ HOLDINGS Co.,Ltd	1,611,886,500	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	22,502,512,746	5,675,343,239
	38,579,092,506	12,196,238,026
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.)	7,398,270	1,504,136,400

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Đầu Tư và TM Hà Lan (1)	4,500,000,000	-	-	-
Công ty TNHH SX Thương mại DV Hương Dương Milk Tea Fresh	-	-	8,100,000,000	-
Công ty TNHH Bala Việt Nam (2)	22,000,000,000	-	12,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Homeconstruct	-	-	10,000,000,000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Máy Công Trình Vĩnh Phúc (3)	5,000,000,000	-	-	-
Trả trước khác	3,133,335,817	-	3,473,458,480	-
	34,633,335,817	-	33,573,458,480	-
Phải thu bên liên quan	-	-	10,000,000,000	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.)

- (1) Đây là các khoản tiền Công ty Cổ phần Liên doanh Sản xuất Bảo Ngọc Thái Lan trả trước cho Công ty TNHH Đầu Tư và TM Hà Lan theo HĐ số 02/2020/HĐNT/BNTL-HL ngày 20/06/2020 về việc mua Nguyên vật liệu sản xuất bánh trung thu
- (2) Đây là các khoản tiền Công ty CP Liên doanh Sản xuất Bảo Ngọc Thái Lan trả trước cho Công ty TNHH Bala Việt Nam theo 01/2019-HĐKT ngày 19/12/2019 về việc mua sắm Dây chuyền sản xuất Bánh bao.
- (3) Đây là các khoản tiền Công ty TNHH Chế biến Nông sản Thực phẩm Hồng Hà trả trước cho Công ty TNHH Một Thành Viên Máy Công Trình Vĩnh Phúc theo HĐ số 0106/2019-HĐKT về việc mua sắm Lò nướng, máy trộn bột, máy cắt bột.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Bà Đỗ Thị Dung	-	8,500,000,000
Bà Nguyễn Hiền Ngọc (6)	2,000,000,000	2,000,000,000
	2,000,000,000	10,500,000,000

- (6) Đây là khoản tiền Công ty CP Liên doanh Sản xuất Bảo Ngọc Thái Lan cho bà Nguyễn Hiền Ngọc vay theo hợp đồng số 010119/HĐCV ngày 01/12/2019 cho vay vốn với kỳ hạn 06 tháng kể từ ngày 02/12/2019 đến ngày 01/07/2020, lãi suất 0,8%/tháng. Khoản vay này bà Nguyễn Hiền Ngọc đã tất toán vào ngày 01/07/2020.

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	9,457,350,280	-	14,690,810,517	-
Công cụ, dụng cụ	331,918,191	-	216,127,281	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1,307,954	-	1,307,954	-
Thành phẩm	252,703,580	-	181,467,533	-
Hàng hoá	4,105,175,402	-	6,266,571,715	-
	14,148,455,407	-	21,356,285,000	-

11 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**Xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1,016,634,501	360,636,240
Xây dựng phần phụ trợ sảnh tòa nhà Bảo Ngọc	717,098,241	360,636,240
Xây dựng nhà xưởng	299,536,260	-
Mua sắm tài sản cố định	625,646,000	-
Phần mềm quản lý	625,646,000	-
	1,642,280,501	360,636,240

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
 Phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá											
Tại ngày 01/01/2020	50,013,197,308	63,369,556,371	7,080,090,908	1,025,454,545	300,430,000	121,788,729,132					
Mua sắm	9,197,172,709	11,065,084,091	644,696,035	-	-	20,906,952,835					
Tại ngày 30/06/2020	59,210,370,017	74,434,640,462	7,724,786,943	1,025,454,545	300,430,000	142,695,681,967					
Giá trị hao mòn lũy kế											
Tại ngày 01/01/2020	15,380,550,153	8,283,230,761	1,874,727,632	148,937,728	46,267,150	25,733,713,424					
Trích khấu hao	2,719,570,062	2,026,902,239	505,082,544	96,016,308	5,085,012	5,352,656,165					
Tại ngày 30/06/2020	18,100,120,215	10,310,133,000	2,379,810,176	244,954,036	51,352,162	31,086,369,589					
Giá trị còn lại											
Tại ngày 01/01/2020	34,632,647,155	55,086,325,610	5,205,363,276	876,516,817	254,162,850	96,055,015,708					
Tại ngày 30/06/2020	41,110,249,802	64,124,507,462	5,344,976,767	780,500,509	249,077,838	111,609,312,378					

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí thuê nhà xưởng (*)	472,814,335	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1,634,102,039	2,088,928,494
Chi phí bảo hiểm	11,374,284	39,605,373
Chi phí kinh doanh, quảng cáo, marketing	55,415,063	159,250,724
Chi phí trang phục bảo hộ	67,851,263	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	390,434,352	200,298,245
	2,631,991,336	2,488,082,836

(*) Chi tiết các khoản chi phí thuê nhà xưởng như sau:

- Công ty Cổ phần Liên doanh Sản xuất Bảo Ngọc Thái Lan: 314.481.000 đồng, theo Hợp đồng cho thuê nhà xưởng ngày 19/12/2019, thời hạn thuê từ 17/02/2020 đến 26/09/2023.

- Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Thành Nam: 158.333.335 đồng, theo hợp đồng thuê kho ngày 23/11/2018 thời hạn thuê từ 01/01/2019 đến 31/12/2021

b) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ dụng cụ xuất dùng	1,479,801,047	1,898,461,061
Chi phí kinh doanh, tư vấn, quảng cáo, marketing	177,047,605	44,213,557
Chi phí trả trước dài hạn khác	191,946,075	189,065,928
	1,848,794,727	2,131,740,546

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hà Lan	10,508,924,850	10,508,924,850	5,395,203,235	5,395,203,235
Công ty TNHH Thực phẩm Bột mì CJ Việt Nam	745,599,750	745,599,750	3,606,097,000	3,606,097,000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Hương Dương Milk Tea Fresh	1,900,000,000	1,900,000,000	1,158,569,425	1,158,569,425
Công ty TNHH Sản xuất Bột Mỳ Vimaflour	2,765,446,888	2,765,446,888	276,100,000	276,100,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Homeconstruct	1,103,592,500	1,103,592,500	-	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Duy Tân	1,350,000,000	1,350,000,000	-	-
Các khoản phải trả khác	7,703,817,583	7,703,817,583	6,621,242,586	6,621,242,586
	26,077,381,571	26,077,381,571	17,057,212,246	17,057,212,246
Phải trả bên liên quan	1,103,951,250	1,103,951,250	358,750	358,750

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Á Long	-	348,112,440
Công ty Cổ phần T-Martstores	143,039,974	143,039,974
Hệ thống Siêu thị T-Mart	319,566,000	-
R&D PATHAN TRADING LIMITER PARTNERSHIP	2,167,181,757	-
ALI SULAIMAN ALSHEHRI TRADING CO	1,487,793,347	-
Trả trước khác	1,480,877,972	243,642,926
	<u>5,598,459,050</u>	<u>734,795,340</u>

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	308,755,253	2,680,811,667	320,992,662	2,668,574,258
Thuế TNDN	3,052,127,204	2,006,449,447	1,048,735,686	4,009,840,965
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	5,097,600	108,342,360	5,097,600	108,342,360
	<u>3,365,980,057</u>	<u>4,795,603,474</u>	<u>1,374,825,948</u>	<u>6,786,757,583</u>

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	483,209,653	428,624,468
Bảo hiểm y tế	89,660,672	50,827,365
Bảo hiểm thất nghiệp	42,171,590	21,742,220
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	15,292,374
	<u>615,041,915</u>	<u>516,486,427</u>

NG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

: thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2020		Trong kỳ		30/06/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
1. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	23,888,109,604	23,888,109,604	36,123,492,683	32,679,843,235	27,331,759,052	27,331,759,052
2. Ngân hàng TMCP Quân Đội	22,909,298,994	22,909,298,994	28,953,594,964	29,951,588,271	21,911,305,687	21,911,305,687
3. Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	978,810,610	978,810,610	989,318,776	978,810,610	989,318,776	989,318,776
4. Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	-	3,213,079,349	1,090,000,000	2,123,079,349	2,123,079,349
Vay dài hạn đến hạn trả						
5. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	6,812,115,490	6,812,115,490	3,237,571,690	2,324,261,002	7,725,426,178	7,725,426,178
6. Ngân hàng TMCP Tiên Phong	4,781,040,170	4,781,040,170	2,044,360,690	1,280,890,000	5,544,510,860	5,544,510,860
7. Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN	111,333,320	111,333,320	-	83,500,002	27,833,318	27,833,318
8. Ngân hàng TMCP Quân đội	151,200,000	151,200,000	75,600,000	75,600,000	151,200,000	151,200,000
9. Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM	1,768,542,000	1,768,542,000	884,271,000	884,271,000	1,768,542,000	1,768,542,000
	-	-	233,340,000	-	233,340,000	233,340,000
	30,700,225,094	30,700,225,094	39,361,064,373	35,004,104,237	35,057,185,230	35,057,185,230
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
5. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	7,498,834,860	7,498,834,860	-	1,280,890,000	6,217,944,860	6,217,944,860
6. Ngân hàng TMCP Tiên Phong	111,333,320	111,333,320	-	83,500,002	27,833,318	27,833,318
7. Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN	745,000,000	745,000,000	-	75,600,000	669,400,000	669,400,000
8. Ngân hàng TMCP Quân đội	6,054,196,500	6,054,196,500	-	884,271,000	5,169,925,500	5,169,925,500
9. Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM	-	-	700,000,000	97,225,000	602,775,000	602,775,000
	14,409,364,680	14,409,364,680	700,000,000	2,421,486,002	12,687,878,678	12,687,878,678
Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	6,812,115,490	6,812,115,490	3,237,571,690	2,324,261,002	7,725,426,178	7,725,426,178
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	7,597,249,190	7,597,249,190			4,962,452,500	4,962,452,500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

ng tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

Đơn vị tính: đồng								
Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 30/06/2020	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo	
Vay ngắn hạn								
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam								
Hợp đồng cho vay hạn mức số 266/2019HĐCVHM/NHCT13	20,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ	Quy định trong từng giấy nhận nợ	21,911,305,687	21,911,305,687	Hợp đồng thế chấp tài sản số 88/2019/HĐBĐ/NHCT131-BAONGOC ngày 08/03/2019.	
Hợp đồng cho vay hạn mức số 1-BAONGOC ngày 13 tháng 06 năm 2019.								
Ngân hàng TMCP Quân đội								
Hợp đồng cấp tín dụng số 54229.19.008.1516289.TD ngày 16 tháng 12 năm 2019.	5,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	04 tháng kể từ ngày giải ngân	7,8%/năm	989,318,776	989,318,776	Tiền ký quỹ tại MB, hợp đồng tiền gửi, giấy tờ có giá do MB phát hành.	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam								
Hợp đồng cấp tín dụng số 038/537/20/017 ngày 16 tháng 01 năm 2020.	3,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	04 tháng kể từ ngày giải ngân	7,5%/năm	2,123,079,349	2,123,079,349	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/537/2020/011 ngày 16/01/2020.	
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam								
Hợp đồng cấp tín dụng số 024/2020/HĐTD ngày 01 tháng 04 năm 2020	3,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	09 tháng	12,075%/năm	2,308,055,240	2,308,055,240	Không có tài sản thế chấp	
Tổng cộng vay ngắn hạn						27,331,759,052	27,331,759,052	

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

: thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng		Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 30/06/2020	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
Vay dài hạn								
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam						6,217,944,860	5,544,510,860	
Hợp đồng số 576/2018/HĐCVDADT/NHC T131-BN ngày 31 tháng 07 năm 2018.	1,500,000,000	Cấp tín dụng đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh	36 tháng	Trong từng giấy nhận nợ	1,038,812,250	1,038,812,250	Hợp đồng thế chấp nhà ở gắn liền với đất và các hợp đồng thế chấp khác.	
Hợp đồng số 987/2019- HĐCVDADT/NHCT131- BAONGOC ngày 26/12/2019.	2,000,000,000	Cấp tín dụng đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh	24 tháng	8,5%/năm	1,398,509,000	932,400,000	Hợp đồng thế chấp tài sản số 88/2019/HĐBĐ/NHCT131- BAONGOC ngày 08/03/2019.	
Hợp đồng số 268/2019- HĐCVDADT/NHCT131- BAONGOC ngày 13/06/2019.	3,000,000,000	Thanh toán chi phí đầu tư dự án Sửa chữa nâng cấp cải tạo Tòa nhà Bảo Ngọc	24 tháng	8,5%/năm	2,873,458,610	2,873,458,610	Hợp đồng thế chấp tài sản số 88/2019/HĐBĐ/NHCT131- BAONGOC ngày 08/03/2019.	
Các khoản vay trung và dài hạn khác	350.000.000 đến 1.872.200.000	Cấp tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	36-60 tháng	8%-8,5%/năm	907,165,000	699,840,000	Tài sản hình thành từ vốn vay	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong						27,833,318	27,833,318	
Giấy nhận nợ số 28_08.16/KUNN/LNH ngày 22 tháng 08 năm 2016.	668,000,000	Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh	48 tháng	6,9%/năm	27,833,318	27,833,318	Theo hợp đồng đảm bảo số 10_08.2017/HDDDB/LNH ngày 22/08/2017	
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam						669,400,000	151,200,000	
Hợp đồng số 1702-LAV-2017 00397 ngày 10 tháng 11 năm 2017.	1,060,000,000	Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh	84 tháng	Áp dụng từng lần giải ngân	669,400,000	151,200,000	Tài sản hình thành từ vốn vay là xe ô tô Mercedes Benz/ biến kiểm soát 30E- 534.03	

Đơn vị tính: đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

: thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

ông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

MÃU SỐ B 09-DN

Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 30/06/2020	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Quân đội							
Hợp đồng số 7886.19.008.1516289.TD ngày 20 tháng 03 năm 2019.	861,280,000	Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh	48 tháng	Áp dụng từng lần giải ngân	5,169,925,500	1,768,542,000	Tài sản hình thành từ vốn vay là xe ô tô Ford biển kiểm soát 29D-31599
Hợp đồng số 9462.19.008.1516289.TD ngày 02 tháng 04 năm 2019.	1,807,000,000	Mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh	48 tháng	Trong từng giấy nhận nợ	1,242,325,000	451,740,000	Hợp đồng tiền gửi số 21505.19.008.1516289.TG.DN - Tài sản hình thành từ vốn vay.
Hợp đồng số 22980.19.008.1516289.TD ngày 21 tháng 06 năm 2019	640,900,000	Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh	48 tháng	9%/năm	467,324,000	160,224,000	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng số 26927.19.008.1516289.TD ngày 15 tháng 07 năm 2019	3,765,432,000	Mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh	48 tháng	9,5%/năm	2,878,221,500	941,358,000	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM							
Hợp đồng tín dụng số 2126/20MN/HĐTĐ ngày 20 tháng 01 năm 2020	700,000,000	Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh	36 tháng	12,02%/năm	602,775,000	233,340,000	Tài sản hình thành từ vốn vay
Tổng cộng vay dài hạn					12,687,878,678	7,725,426,178	
Tổng cộng vay					40,019,637,730	35,057,185,230	

Đơn vị tính: đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2020	80,000,000,000	-	36,603,650,777	5,787,782,976	122,391,433,753
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	7,187,342,155	63,379,426	7,250,721,581
Phân phối lợi nhuận	-	1,698,273,899	(2,264,365,199)	-	(566,091,300)
Tăng do hợp nhất lần đầu	-	-	-	3,762,412,072	3,762,412,072
Tại ngày 30/06/2020	80,000,000,000	1,698,273,899	41,526,627,733	9,613,574,474	132,838,476,106

Theo Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 02/2020/BN-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 06 năm 2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100.00%	11,321,825,994
Trích Quỹ đầu tư phát triển	15.00%	1,698,273,899
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.00%	566,091,300
Chi trả cổ tức (bằng 5% vốn điều lệ)	35.33%	4,000,000,000
Lợi nhuận chưa phân phối	44.67%	5,057,460,795

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	30/06/2020 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2020 VND
Công ty Cổ phần Á Long	18.81%	15,050,000,000	18.81%	15,050,000,000
Ông Lê Đức Thuận	36.06%	28,850,360,000	36.06%	28,850,360,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Homeconstruct	5.88%	4,700,000,000	5.88%	4,700,000,000
Các cổ đông khác	39.25%	31,399,640,000	39.25%	31,399,640,000
	100%	80,000,000,000	100%	80,000,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Quý II Năm 2020 VND	Quý II Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80,000,000,000	80,000,000,000
- Vốn góp đầu kỳ	80,000,000,000	80,000,000,000
- Vốn góp cuối kỳ	80,000,000,000	80,000,000,000

d) Cổ phiếu

	30/06/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8,000,000	8,000,000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8,000,000	8,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	8,000,000	8,000,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8,000,000	8,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	8,000,000	8,000,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1,698,273,899	-
	1,698,273,899	-

20 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý II Năm 2020 VND	Quý II Năm 2019 VND
Doanh thu bán thành phẩm	82,820,648,333	40,720,503,016
Doanh thu bán hàng hóa	15,784,421,800	21,193,907,098
Doanh thu cung cấp dịch vụ	909,555,766	663,873,595
	99,514,625,899	62,578,283,709

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Quý II Năm 2020	Quý II Năm 2019
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	457,268,409	84,410,813
	457,268,409	84,410,813

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý II Năm 2020	Quý II Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	66,129,994,383	29,527,377,370
Giá vốn của hàng hóa đã bán	13,860,197,824	18,794,342,898
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	90,430,726
	79,990,192,207	48,412,150,994

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý II Năm 2020	Quý II Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	621,096,498	526,626
	621,096,498	526,626

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý II Năm 2020	Quý II Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	940,755,820	573,126,916
Chi phí tài chính khác	10,631,309	1,227,397
	951,387,129	574,354,313

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý II Năm 2020	Quý II Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	567,045	3,887,614
Chi phí nhân công	2,679,404,799	410,204,623
Chi phí khấu hao tài sản cố định	230,507,151	183,564,386
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,364,762,101	863,728,391
Chi phí khác bằng tiền	516,343,275	406,749,555
	4,791,584,371	1,868,134,569

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý II Năm 2020	Quý II Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	243,601,668	220,522,557
Chi phí nhân công	1,650,349,335	676,003,540
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,409,035,174	1,020,823,851
Thuế, phí, lệ phí	128,166,806	115,430,708
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,482,691,838	953,694,229
Lợi thế thương mại	(10,586,307)	-
Chi phí khác bằng tiền	172,047,809	125,180,555
	5,075,306,324	3,111,655,440

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý II Năm 2020	Quý II Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8,784,484,317	8,517,963,571
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Chi phí không hợp lệ	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1,789,245,219	1,783,479,761
	1,789,245,219	1,783,479,761

28 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	134,894,930	27,138,155
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	134,894,930	27,138,155

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Quý II Năm 2020	Quý II Năm 2019
	VND	VND
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(17,365,617)	(11,156,320)
	(17,365,617)	(11,156,320)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Quý II Năm 2020	Quý II Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	7,012,604,715	6,745,640,130
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7,012,604,715	6,745,640,130
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	8,000,000	8,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	877	843

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý II Năm 2020	Quý II Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	76,465,976,204	41,920,256,212
Chi phí nhân công	6,810,072,177	2,926,483,326
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,712,415,245	2,127,571,593
Thuế, phí, lệ phí	128,166,806	115,430,708
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,814,906,620	2,227,236,419
Chi phí khác bằng tiền	700,439,606	531,930,110
	91,631,976,658	49,848,908,368

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6,301,236,034	-	4,893,673,795	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	38,579,092,506	-	12,196,238,026	-
Các khoản cho vay	2,000,000,000	-	10,500,000,000	-
Đầu tư ngắn hạn	362,000,000	-	362,000,000	-
	47,242,328,540	-	27,951,911,821	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	Giá trị số kế toán	
	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	40,019,637,730	38,297,474,284
Phải trả người bán, phải trả khác	26,692,423,486	17,573,698,673
Chi phí phải trả	1,166,112,141	1,333,902,017
	67,878,173,357	57,205,074,974

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Y
V
XL
D
P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6,301,236,034	-	-	6,301,236,034
Phải thu khách hàng, phải thu khác	38,579,092,506	-	-	38,579,092,506
Các khoản cho vay	2,000,000,000	-	-	2,000,000,000
Đầu tư ngắn hạn	362,000,000	-	-	362,000,000
	<u>47,242,328,540</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>47,242,328,540</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4,893,673,795	-	-	4,893,673,795
Phải thu khách hàng, phải thu khác	12,196,238,026	-	-	12,196,238,026
Các khoản cho vay	10,500,000,000	-	-	10,500,000,000
Đầu tư ngắn hạn	362,000,000	-	-	362,000,000
	<u>27,951,911,821</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>27,951,911,821</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2020				
Vay và nợ	35,057,185,230	4,962,452,500	-	40,019,637,730
Phải trả người bán, phải trả khác	26,692,423,486	-	-	26,692,423,486
Chi phí phải trả	1,166,112,141	-	-	1,166,112,141
	62,915,720,857	4,962,452,500	-	67,878,173,357
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	30,700,225,094	7,597,249,190	-	38,297,474,284
Phải trả người bán, phải trả khác	17,573,698,673	-	-	17,573,698,673
Chi phí phải trả	1,333,902,017	-	-	1,333,902,017
	49,607,825,784	7,597,249,190	-	57,205,074,974

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 34.)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

Mối quan hệ	Quý II Năm 2020 VND	Quý II Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Á Long	Thành viên góp vốn 62,701,749	-
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Công ty Cổ phần Á Long	-	Thành viên góp vốn 67,432,820
Công ty Cổ phần Đầu tư Homeconstruct	Thành viên góp vốn 10,094,175,000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Số dư tại ngày kết thúc kỳ:

	Mối quan hệ	30/06/2020	01/01/2020
		VND	VND
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Á Long	Thành viên góp vốn	7,398,270	-
Công Ty Cổ phần Đầu tư Homeconstruct	Thành viên góp vốn	-	1,504,136,400
Ứng trước cho nhà cung cấp			
Công ty Cổ phần Đầu tư Homeconstruct	Thành viên góp vốn	-	10,000,000,000
Phải trả người bán			
Công ty Cổ phần Á Long	Thành viên góp vốn	358,750	358,750
Công ty Cổ phần Đầu tư Homeconstruct	Thành viên góp vốn	1,103,592,500	-
Người mua trả tiền trước			
Công ty Cổ phần Á Long	Thành viên góp vốn	-	348,112,440
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		Quý II Năm 2020	Quý II Năm 2019
		VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị		90,561,052	49,851,354

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 do Công ty lập.

Lại Thị Thu Hà
Người lậpNguyễn Xuân Trường
Kế toán trưởngLê Đức Thuận
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

